TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 111/2018/DS - ST Ngày: 20 - 12- 2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và bà Nguyễn Thị Bạn

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLST- DS ngày 10/5/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2018/QĐXXST-DS ngày 15/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2018/QĐHPT ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1949 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm: 1995

Địa chỉ: 59 đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 06/6/2018) (Có mặt)

Bị đơn: Ông Hồ Ch (Vắng mặt)

Địa chỉ: 6/14 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: 6/14 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 của nguyên đơn bà Trương Thị Đ, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, đại diện nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên trong suốt năm 2010 đến năm 2011, bà Đ có cho ông Hồ Ch mượn cà phê nhiều lần, cụ thể các lần mượn cà phê như sau:

Ngày 25/03/2010: ông Ch mượn 1 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả 1,3 tạ cà phê.

Ngày 27/03/2010: ông Ch mượn 1,5 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả 1,95 tạ cà phê.

Ngày 07/04/2010: mượn 07 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả đủ.

Ngày 30/04/2010: mượn 07 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả đủ.

Ngày 28/05/2010: mượn 05 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả đủ.

Ngày 25/06/2010: mượn 03 tạ cà phê (có con của ông Ch là chị Hồ Thị Kim C và bà T - vợ ông Ch xác nhận)

Ngày 26/06/2010: mượn 03 tạ cà phê (có con của ông Ch là chị Hồ Thị Kim C ký xác nhận).

Ngày 01/08/2010: mượn 03 tạ cà phê, hẹn đến mùa trả đủ.

Như vậy, tổng cộng ông Ch đã mượn của bà Đ là 3025 kg cà phê nhân xô. Các lần mượn cà phê ông Ch hoặc con ông Ch là chị Hồ Thị Kim C đều ký nhận giấy tay mượn cà phê. (Trong các giấy tay mượn cà phê, có nội dung "*mượn của Ami M"* thì Ami M chính là tên thường gọi của bà Trương Thị Đ).

Tính đến tháng 08 năm 2011, ông Ch có trả cho bà Đ được 1515 kg cà phê, nợ lại 1510 kg cà phê nhân xô. Ông Ch có viết giấy hẹn nợ, theo đó ông Ch hứa mùa cà phê năm 2011 sẽ trả dần một nửa số cà phê còn nợ cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay ông Ch vẫn không trả cà phê hay bất cứ đồng tiền nào cho bà Đ mặc dù bà Đ đã nhiều lần yêu cầu.

Các lần vay mượn có lần có vợ ông Ch ký nhận và đây cũng là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Ch và bà Nguyễn Thị T nên bà Trương Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cả hai vợ chồng ông Hồ Ch và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trương Thị Đ 1510 kg cà phê nhân xô.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2018 của ông Hồ Ch trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên từ năm 2010 đến năm 2011, ông Ch có mượn cà phê của bà Trương Thị Đ, vì mượn nhiều lần nên ông Ch không nắm rõ được cụ thể số lần, ngày tháng, số lượng cà phê cụ thể.

Sau khi mượn ông đã trả nhiều lần cho bà Đ, cụ thể số lần, thời gian và số lượng thì ông không nhớ rõ, mỗi lần trả ông Ch giao cà phê đến nơi ở bà Đ và bà Đ gạch sổ, nên ông Ch không giữ giấy tờ gì về việc trả cà phê.

Vào tháng 8 năm 2011, sau khi cả hai bên tính toán lại thì ông Ch có viết Giấy hẹn nợ đề tháng 8 năm 2011 có nội dung ông Ch thiếu bà Trương Thị Đ 1510 kg, vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nên hứa mùa cà phê năm 2011 sẽ trả một nửa đến khi hết nợ. Ông Ch xác nhận chữ viết trong giấy hẹn nợ và chữ ký Hồ Ch là của ông.

Sau khi viết giấy hẹn nợ do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông chưa trả thêm cho bà Đ được thêm số cà phê nhân xô nào nữa.

Việc vay mượn số cà phê trên, có lần thì vợ ông là bà Nguyễn Thị T biết, có lần thì bà T không biết, mục đích sử dụng cho việc phát triển kinh tế gia đình.

Nay bà Đ khởi kiện thì ý kiến của ông Ch là khi nào sắp xếp được vợ chồng ông sẽ trả cho bà Đ 1510 kg cà phê nhân xô còn nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 và khoản 1 Điều 477 Bộ Luật dân sự 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Buộc vợ chồng ông Hồ Ch, bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trương Thị Đ 1510 kg cà phê nhân xô.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Trương Thị Đ buộc vợ chồng ông Hồ Ch, bà Nguyễn Thị T trả cho bà Đ 1510 kg cà phê nhân xô và cung cấp T liệu chứng cứ là Giấy hẹn nợ đề tháng 8/2011 có nội dung: Tôi tên Hồ Ch có thiếu bà Trương Thị Đ 1510 kg. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Hồ Ch thừa nhận có mượn cà phê của bà Trương Thị Đ, sau đó đã trả cho bà Đ một phần và còn nợ của

bà Đ 1510kg cà phê nhân xô, mặt khác ông Ch cũng thừa nhận trong quá trình vay mượn cà phê của bà Đ thì vợ ông là bà Nguyễn Thị T có biết và mục đích mượn cà phê của bà Đ để kinh doanh phát triển kinh tế gia đình, như vậy đã có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Hồ Ch, bà Nguyễn Thị T nợ bà Trương Thị Đ 1510 kg cà phê nhân xô. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ là có cơ sở cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị số cà phê phải trả cho nguyên đơn theo giá cà phê tại thời điểm xét xử là 32.500đ/kg cụ thể: 1.510kg x 32.500đ/kg = 49.075.000đ x5% = 2.454.000 đồng.

Bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 227; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ

Buộc ông Hồ Ch và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Đ 1510 kg cà phê nhân xô.

- Về án phí: Ông Hồ Ch và bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.454.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi tư ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí DSST, được nhận lại 1.510.000đồng (Một triệu năm trăm mười ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Mai Thị Ngọc A đã nộp thay bà Đ theo biên lai thu số AA/2017/0003709 ngày 08/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Đều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt